

Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội
Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

Công ty: Công ty Cổ phần Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (VNCS)

Mã chứng khoán: CSI

Địa chỉ trụ sở chính: F301, tầng 3 Tòa nhà TTTM Grand Plaza, Số 117 Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3926 0099 Fax: (84-4) 3926 3411

Người thực hiện công bố thông tin: **Hoàng Xuân Hùng**

Địa chỉ: F301, tầng 3 Tòa nhà TTTM Grand Plaza, Số 117 Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): (84-24) 3926 0099

Loại thông tin công bố 24 giờ Bất thường Theo yêu cầu Định kỳ

Nội dung thông tin công bố (*): Báo cáo TLATTC đã được kiểm toán tại ngày 31/12/2019.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử vào ngày 30/03/2020 của công ty tại đường dẫn: <http://vn-cs.com/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như đề gửi;
- HĐQT, BKS, TGD (để b/c);
- Lưu VP.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo TLATTC đã được kiểm toán tại ngày 31/12/2019

Người được ủy quyền CBTT
Tổng giám đốc



Hoàng Xuân Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN KIẾN THIẾT VIỆT NAM
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
Tại ngày 31/12/2019
(đã được kiểm toán)



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã được kiểm toán	05-13

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Chứng khoán Kiến thiết Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2019.

CÔNG TY

Công ty cổ phần Chứng khoán Kiến thiết Việt Nam được đổi tên từ Công ty cổ phần Chứng khoán Phương Hoàng theo Giấy phép điều chỉnh số 37/GPĐC-UBCK ngày 18/10/2016. Công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy phép số 96/UBCK-GP ngày 21/08/2008, Giấy phép điều chỉnh số 173/UBCK-GPĐC ngày 26/11/2008, số 287/UBCK-GP ngày 09/12/2009, số 11/GPĐC-UBCK ngày 23/05/2016, số 69/GPĐC-UBCK ngày 31/08/2018, số 84/GPĐC-UBCK ngày 15/10/2018 và số 58/GPĐC-UBCK ngày 01/10/2019 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Trụ sở chính của Công ty tại: F301, Tòa nhà TTTM Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Wang Wei Ya	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 22/07/2019
Ông Hoàng Xuân Hùng	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 22/07/2019
Ông Hoàng Xuân Hùng	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 22/07/2019
Ông Wang Wei Ya	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 22/07/2019
Ông Li You Mu	Thành viên	
Ông Trần Đăng Khâm	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 31/03/2019

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Xuân Hùng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 22/07/2019
Ông Nguyễn Thành Lê	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 19/07/2019
Ông Đỗ Bảo Ngọc	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Hoàng Xuân Hùng	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 22/07/2019
Ông Nguyễn Thanh Minh	Giám đốc Tài chính	Bổ nhiệm ngày 10/04/2019

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo an toàn tỷ lệ tài chính tại ngày 31/12/2019 của Công ty cổ phần Chứng khoán Kiến thiết Việt Nam đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA) - Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán theo quy định của Bộ Tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính phản ánh trung thực, hợp lý các chỉ tiêu tài chính của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIẾN THIẾT VIỆT NAM

F301, Tòa nhà TTTM Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng,
phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

- Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo theo đúng quy định tại Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15/8/2017 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính;
- Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;
- Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2020

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Hoàng Xuân Hùng



Số: 316 /BCKT-TC/AVA

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 14 Tòa nhà Sudico, đường Mỹ Đình
P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam
Tel: (+84 24) 3868 9566 / (+84 24) 3868 9588
Fax: (+84 24) 3868 6248
Web: kiemtoanava.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty cổ phần Chứng khoán Kiến thiết Việt Nam

Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2019 kèm theo của Công ty cổ phần Chứng khoán Kiến thiết Việt Nam, được lập ngày 18/07/2018, từ trang 05 đến trang 13.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty phù hợp với quy định của Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15/8/2017 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2019 của Công ty cổ phần Chứng khoán Kiến thiết Việt Nam đã được lập và trình bày phù hợp với quy định của Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15/8/2017 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN
VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**



Ngô Quang Tiến
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN Kiểm toán số
0448-2018-126-1
Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2020

Đỗ Thị Duyên
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN Kiểm toán số
3642-2016-126-1

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIẾN THIẾT VIỆT NAM
F301, Tòa nhà TTTM Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng,
phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2020

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
Tại ngày 31/12/2019
của Công ty cổ phần Chứng khoán Kiến thiết Việt Nam

Chúng tôi cam đoan rằng:

- (1) Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo theo đúng quy định tại Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15/8/2017 của Bộ Tài chính quy định chi tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính;
- (2) Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;
- (3) Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.

Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Minh

Trưởng bộ phận
kiểm soát nội bộ

Nguyễn Thị Nhung



Tổng Giám đốc

Hoàng Xuân Hùng

I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

Đơn vị tính: VND

TT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
		(1)	(2)	(3)
A	Vốn chủ sở hữu			
1	Vốn góp của chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	168.000.000.000		
2	Thặng dư vốn cổ phần không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)			
3	Cổ phiếu quỹ			
4	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu - Cấu phần vốn			
5	Vốn khác của chủ sở hữu			
6	Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý			
7	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ			
8	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ			
9	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu			
10	Lợi nhuận chưa phân phối	(10.041.138.159)		
11	Số dư dự phòng suy giảm giá trị tài sản	1.227.712.192		
12	Chênh lệch đánh giá lại tài sản cố định			
13	Chênh lệch tỷ giá hối đoái			
14	Các khoản nợ có thể chuyển đổi			
15	Toàn bộ phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính		(168.979.000)	
16	Vốn khác (nếu có)			
1A	Tổng			159.355.553.033
B	Tài sản ngắn hạn			
I	Tài sản tài chính		112.681.908	
1	Tiền và các khoản tương đương tiền			
2	Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)			
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường - Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng			-
3	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)			
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường - Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng			-
4	Các khoản cho vay			
5	Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)			
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường - Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng			-
6	Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp			
7	Các khoản phải thu (Phải thu bán các tài sản tài chính; Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ các tài sản tài)			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống - Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			-
8	Chứng quyền có bảo đảm chưa phát hành hết			

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIẾN THIẾT VIỆT NAM

F301, Tòa nhà TTTM Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng,
phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

9	Chứng khoán cơ sở phục vụ mục đích phòng ngừa rủi ro khi phát hành chứng quyền có bảo đảm			
10	Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
11	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
	Phải thu nội bộ			
12	- Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
13	Phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
14	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
	Các khoản phải thu khác			
15	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		112.681.908	
16	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu			
II Tài sản ngắn hạn khác			163.454.660	
1	Tạm ứng			
	- Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống			
2	- Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày			
	Vật tư văn phòng, công cụ dụng cụ			
3	Chi phí trả trước ngắn hạn		163.454.660	
4	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn			
5	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ			
6	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước			
7	Tài sản ngắn hạn khác			
8	Dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác			
1B	Tổng			276.136.568
C	Tài sản dài hạn			
I	Tài sản tài chính dài hạn			
1	Các khoản phải thu dài hạn			
	Các khoản đầu tư			
2.1	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn			
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
2.2	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng			
	Đầu tư vào công ty con			
2.3	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết			
2.4	Đầu tư dài hạn khác			
II	Tài sản cố định		4.705.037.029	
III	Bất động sản đầu tư			
IV	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang			
V	Tài sản dài hạn khác		2.775.582.294	

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIẾN THIẾT VIỆT NAM

F301, Tòa nhà TTTM Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng,
phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

1	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn		405.041.950	
2	Chi phí trả trước dài hạn		995.735.238	
3	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	
4	Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán		1.374.805.106	
5	Tài sản dài hạn khác		-	
VI	Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn			
	<i>Các chỉ tiêu tài sản</i> bị coi là khoản ngoại trừ, có ý kiến trái ngược hoặc từ chối đưa ra ý kiến tại báo cáo tài chính đã được kiểm toán, soát xét mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại Điều 5		-	
1C	Tổng			7.480.619.323
D	Tài khoản ký quỹ đảm bảo			
1	Giá trị ký quỹ			
1.1	Giá trị đóng góp vào quỹ hỗ trợ thanh toán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán (đối với thị trường chứng khoán phái sinh)		-	
1.2	Giá trị đóng góp vào quỹ bù trừ của đối tác thanh toán trung tâm đối với vị thế mở của chính thành viên bù trừ (đối với thị trường chứng khoán phái sinh)		-	
1.3	Khoản ký quỹ bằng tiền và giá trị bảo lãnh thanh toán của ngân hàng khi phát hành chứng quyền có bảo đảm		-	
2	Giá trị tài sản bảo đảm cho các nghĩa vụ phải trả có thời hạn còn lại trên 90 ngày		-	
1D	Tổng			151.598.797.142
VỐN KHẢ DỤNG = 1A-1B-1C-1D				151.598.797.142

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

Đơn vị tính: VND

A. RỦI RO THỊ TRƯỜNG				
Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3)= (1)x(2)
I. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ			41.072.541.458	-
1	Tiền mặt (VND)	0	41.072.541.458	-
2	Các khoản tương đương tiền	0	-	-
3	Giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng chỉ tiền gửi	0		
II. Trái phiếu Chính phủ				
4	Trái phiếu Chính phủ không trả lãi	0		
5	Trái phiếu Chính phủ trả lãi suất cố định			
5.1	Trái phiếu Chính phủ (bao gồm công trái và trái phiếu công trình đã phát hành trước đây), trái phiếu Chính phủ các nước thuộc khối OECD hoặc được bảo lãnh bởi Chính phủ hoặc Ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này, trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, ADB, IADB, AFDB, EIB và EBRD	3		
III. Trái phiếu doanh nghiệp				
6	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8		
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	10		
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15		
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20		
7	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25		
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30		
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	35		
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	40		
IV. Cổ phiếu			2.440.647.000	251.264.700
8	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh; chứng chỉ quỹ mở	10	2.296.647.000	229.664.700
9	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội	15	144.000.000	21.600.000
10	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống UpCom	20	-	-
11	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, nhưng chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch; cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO)	30		

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIẾN THIẾT VIỆT NAM
 F301, Tòa nhà TTTM Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng,
 phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

12	Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác	50		
V. Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán				
13	Quỹ đại chúng, bao gồm cả công ty đầu tư chứng khoán đại chúng	10		
14	Quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ	30		
VI. Chứng khoán bị hạn chế giao dịch				
15	Chứng khoán bị tạm ngừng giao dịch	40		
16	Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch	50		
VII. Chứng khoán phái sinh				
17	Hợp đồng tương lai chỉ số cổ phiếu	8		
18	Hợp đồng tương lai trái phiếu chính phủ	3		
VIII. Chứng khoán khác				
19	Cổ phần, phần vốn góp và các loại chứng khoán khác	80		
20	Cổ phiếu niêm yết trên các thị trường nước ngoài thuộc	25		
21	Cổ phiếu niêm yết trên các thị trường nước ngoài không thuộc các chỉ số đạt chuẩn	100		
22	Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	8		
23	Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch	10		
24	Chứng quyền có bảo đảm do công ty chứng khoán phát			
25	Chứng khoán hình thành từ hoạt động phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm do công ty chứng khoán đã phát hành (trường hợp chứng quyền có bảo đảm			
26	Phần chênh lệch giữa giá trị chứng khoán cơ sở dùng để phòng ngừa rủi ro và giá trị chứng khoán cơ sở cần thiết để phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm			
IX. Rủi ro tăng thêm (nếu có) (được xác định trên cơ sở VCSH đã trích lập đầy đủ các khoản dự phòng)				
	Mã chứng khoán	Mức tăng thêm (%)	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
	...			
TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII+IX)				251.264.700

B. GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN

	Giá trị rủi ro
Rủi ro trước thời hạn thanh toán (Thuyết minh 1)	4.893.267.946
Rủi ro quá thời hạn thanh toán (Thuyết minh 2)	2.952.158.374
Rủi ro tăng thêm (Thuyết minh 3)	856.576.110
Tổng giá trị rủi ro thanh toán	8.702.002.430

1. Rủi ro trước thời hạn thanh toán

Loại hình giao dịch	Hệ số rủi ro (%)	Giá trị rủi ro						Tổng giá trị rủi ro
		0,0%	0,8%	3,2%	4,8%	6,0%	8,0%	
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
1	Tiền gửi có kỳ hạn, các khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm, các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch và nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán và các khoản mục tiềm ẩn rủi ro thanh toán khác	-	-	-	-	4.893.267.946	-	4.893.267.946
2	Cho vay tài sản tài chính/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
3	Vay tài sản tài chính/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
4	Hợp đồng mua tài sản tài chính có cam kết bán lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
5	Hợp đồng bán tài sản tài chính có cam kết mua lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
TỔNG RỦI RO TRƯỚC THỜI HẠN THANH TOÁN								4.893.267.946

Chi tiết hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác được xác định như sau:

TT	Đối tác thanh toán cho Công ty	Hệ số rủi ro thanh toán
(1)	Chính phủ, các tổ chức phát hành được Chính phủ bảo lãnh, Chính phủ và Ngân hàng Trung ương các nước thuộc khối OECD; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;	0%
(2)	Sở giao dịch chứng khoán, Trung tâm lưu ký chứng khoán	0,8%
(3)	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập ở các nước thuộc khối OECD và có hệ số tín nhiệm đáp ứng các điều kiện khác theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán	3,2%
(4)	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập ngoài các nước OECD; hoặc thành lập tại các nước thuộc khối OECD và không đáp ứng các điều kiện khác theo quy định nội bộ của Công ty	4,8%
(5)	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam	6,0%
(6)	Các tổ chức, cá nhân khác	8,0%

2. Rủi ro quá thời hạn thanh toán

	Thời gian quá hạn	Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
1	Từ 0 đến 15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	16		-
2	Từ 16 đến 30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	32		-
3	Từ 31 đến 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	48		-
4	Từ 60 ngày trở đi	100	2.952.158.374	2.952.158.374
TỔNG RỦI RO QUÁ THỜI HẠN THANH TOÁN				2.952.158.374

3. Rủi ro tăng thêm

TT	Chi tiết tới từng đối tác	Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
1	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại BIDV			-
2	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại SCB	20	1.841.769.863	368.353.973
3	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại VIETABANK	10	1.220.774.795	122.077.480
4	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Agribank	20	1.830.723.288	366.144.658
			-
TỔNG RỦI RO TĂNG THÊM				856.576.110

C. GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG

TT	Chỉ tiêu	Giá trị
I	Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng tính tới tháng xx năm 20xx	19.519.853.962
II	Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí (Thuyết minh 1)	2.021.276.533
III	Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III = I - II)	17.498.577.429
IV	25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV = 25% III)	4.374.644.357
V	20% Vốn pháp định của công ty chứng khoán	17.000.000.000
TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (Max {IV, V})		17.000.000.000

1. Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí

Chi phí khấu hao	Giá trị	793.564.341
Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp		1.227.712.192
Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính dài hạn		-
Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu		-
Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác		-
Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn		-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIẾN THIẾT VIỆT NAM
F301, Tòa nhà TTTM Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng,
phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

III. BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG

Đơn vị tính: VND

TT	Các chỉ tiêu	Giá trị rủi ro/vốn khả dụng	Ghi chú
1	Tổng giá trị rủi ro thị trường	251.264.700	
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	8.702.002.430	
3	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	17.000.000.000	
4	Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3)	25.953.267.130	
5	Vốn khả dụng	151.598.797.142	
6	Tỷ lệ vốn khả dụng (6=5/4)	584%	

